

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2019.

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Bùi Minh Cảnh.

2- Bà Đoàn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 126/2010/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 6 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 07/2019/TB-TĐTGMPT ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/11/1985.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh ngày 14/7/1982.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc H kết hôn với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện V, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi thậm chí anh H còn đánh chị và rất khắc khe về tiền bạc đối với chị. Vợ chồng đã ly thân từ tết Nguyên đán năm 2018 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 02/11/2009, hiện nay con sống với anh H. Khi ly hôn chị yêu cầu xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày như sau: Anh thừa nhận theo lời trình bày của chị T về hôn nhân, về con chung, phần nợ chung nêu trên là đúng hoàn toàn.

Còn về mâu thuẫn, là do một phần chị T lúc đi học ở Cần Thơ khi về nhà đêm khuya lại có tin nhắn cho chị T và điện thoại Zalo với bạn bè không trong sáng từ đó anh bức xúc và cự cãi với chị T.

Theo yêu cầu của chị T thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị T. Bởi vì, mâu thuẫn không có gì lớn hơn nữa anh muốn đảm bảo hạnh phúc của con sau này.

Về con chung: Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì anh yêu cầu xin được nuôi con. Bởi vì, theo nguyện vọng của con, đồng thời anh làm Bác sĩ nên có đủ điều kiện để nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị T có trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị vẫn giữ nguyên là yêu cầu xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị đồng ý theo yêu cầu của anh H là giao con Nguyễn Thị Diễm M cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Quốc H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì T phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H được ly hôn.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quốc H là giao cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 02/11/2009 (theo nguyện vọng của cháu M) cho anh Nguyễn Quốc H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H kết hôn với nhau năm 2007 và có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thiếu tin tưởng chị T và cho rằng chị T quan hệ bần bè không trong sáng nên dẫn đến cự cãi nhau từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị cũng không tự hòa giải với nhau được và cũng như tại phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay chị T vẫn một mực kiên quyết ly hôn với anh H.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H là giao cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 02/11/2009 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay anh H là người nuôi cháu M, cuộc sống của cháu M ổn định và bản thân anh H là Bác sĩ nên có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa theo nguyện vọng của cháu M.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H là giao cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 02/11/2009 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị T và anh H có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001733, ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị T và anh H có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/7/2019).

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm